

Số: 449 /QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 15 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về công bố công khai về kế hoạch vốn đầu tư
Nhà nước giao và phân bổ vốn đầu tư năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 7418/TB-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn thành phố phân cấp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kế hoạch vốn đầu tư Nhà nước giao và phân bổ vốn đầu tư năm 2021 (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Giờ, Trưởng Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Cần Giờ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Trưởng Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới các xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện;
- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- VP: CVP, Tin học (đăng web);
- Lưu: VT, TC-Phủ, Th.voyu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ
NHIÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2021(Ban hành kèm theo Quyết định số 449 /QĐ-UBND
ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng số	383.706	383.706	
	Trong đó			
	Vốn trong nước			
	Vốn ngoài nước			
A	Vốn thiết kế quy hoạch			
B	Vốn chuẩn bị đầu tư	1.300,0	1.300,0	
	Công trình phòng chống lụt bão	1.300,0	1.300,0	
1	Nạo vét, xây dựng hệ thống cống thoát nước tuyến rạch tổ 1, 2, ấp Bình Trung (đoạn từ đường Trần Quang Đạo đến rạch Thủ Hy)	100,0	100,0	
2	Nạo vét, xây dựng mương thoát nước tuyến rạch tổ 11, ấp Bình Trường (đoạn từ đường bê tông đến sông Nhà Bè)	100,0	100,0	
3	Nạo vét, xây dựng mương thoát nước tuyến nhánh kênh Ông Huyện tổ 16, ấp Bình Thuận (đoạn từ đường Rừng Sác đến kênh Ông Huyện)	100,0	100,0	
4	Nạo vét, xây dựng mương thoát nước tuyến rạch tổ 18, ấp Bình Thuận (đoạn từ đường song hành đến kênh Ông Huyện)	100,0	100,0	
5	Nạo vét, xây dựng mương thoát nước tuyến rạch tổ 1, ấp Bình An (từ đường Song Hành đến Kênh Xáng)	100,0	100,0	
6	Nạo vét, xây dựng mương thoát nước tuyến rạch tổ 17, ấp Bình An (từ đường Song Hành đến Kênh Xáng)	100,0	100,0	
7	Xây dựng hệ thống thoát nước tổ 7, ấp Bình An (từ rạch Tắc Cây Chôm đến cuối thửa số 8, tờ số 103)	100,0	100,0	
8	Nâng cấp, sửa chữa bờ kè chống sạt lở sông Lòng Tàu ấp An Hòa (khu vực từ rạch Mốc Keo nhỏ đến Kè tổ 11 ấp An Hòa)	100,0	100,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
9	Kè chống sạt lở ven rạch Mốc Keo bảo vệ khu dân cư ấp An Hòa (khu vực từ đường Tam Thôn Hiệp đến kè Tổ 11 ấp An Hòa)	100,0	100,0	
10	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kè chống sạt lở sông Hà Thanh bảo vệ khu dân cư ấp Hòa Hiệp (từ khu dân cư Phước Lộc Thọ đến bến vật liệu Công ty TNHH Trung Long Hòa)	100,0	100,0	
11	Nạo vét, xây dựng kiên cố hóa rạch nhánh sông Đồng Tranh khu dân cư Tổ 6, ấp Đồng Tranh (Từ đường bê tông đến sông Đồng Tranh)	100,0	100,0	
12	Xây dựng hệ thống thoát nước chống ngập úng khu vực tổ 6, ấp Đồng Hòa (từ đường bê tông Tổ 6 đến sông Đồng Tranh)	100,0	100,0	
13	Xây dựng hệ thống cống thoát nước tổ 4 (từ đường Lương Văn Nho đến đường Giồng Ao)	100,0	100,0	
C	Vốn thực hiện dự án	191.444,0	191.444,0	
I	Công trình phân cấp có mục tiêu khác	13.000,0	13.000,0	
	Lồng ghép nông thôn mới	13.000,0	13.000,0	
1	Nâng cấp trường tiểu học An Thới Đông	13.000,0	13.000,0	
II	Công trình phòng chống lụt bão	178.444,0	178.444,0	
	Công trình theo Công văn số 4662/UBND-CNN ngày 12/9/2014	218,0	218,0	
1	Kè chống sạt lở bờ sông Lòng Tàu (khu dân cư tổ 13,14,15 ấp An Lộc)	218,0	218,0	
	Công trình chuyển tiếp	178.226,0	178.226,0	
	Theo công văn số 7358/UBND-KT ngày 20/12/2016	18,0	18,0	
2	Công trình kè bảo vệ phân khu V- Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giờ	18,0	18,0	
	Theo công văn số 7121/UBND-KT ngày 07/12/2016	61.988,0	61.988,0	
3	Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư An Hòa (Tắc Ráng tổ 27-28) xã An Thới Đông	2.088,0	2.088,0	
4	Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp An Nghĩa (đoạn từ cầu An Nghĩa đến rạch Nhánh) xã An Thới Đông	13.000,0	13.000,0	
5	Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp An Nghĩa (đoạn từ rạch Nhánh đến ngã ba sông Lòng Tàu) xã An Thới Đông	6.000,0	6.000,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
6	Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp An Hòa xã An Thới Đông (đoạn từ kè Bà Tổng đến ngã ba sông Soài Rạp)	7.000,0	7.000,0	
7	Xây dựng kè kiên cố ven sông Soài Rạp bảo vệ khu dân cư (đoạn từ ngã ba rạch Bà Tổng đến rạch Giông) xã An Thới Đông	1.000,0	1.000,0	
8	Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp Rạch Lá xã An Thới Đông	8.900,0	8.900,0	
9	Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp An Bình (đoạn từ ngã ba rạch Giông đến kênh Ngay) xã An Thới Đông	24.000,0	24.000,0	
	Dự án khởi chuyển tiếp	76.320,0	76.320,0	
	Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi tôm thẻ chân trắng	57.870,0	57.870,0	
10	Nạo vét kênh, sửa chữa hệ thống cống khu vực 450 ha xã Lý Nhơn	50,0	50,0	
11	Xây dựng hệ thống đê bao dọc sông Vàm Sát khu vực 400ha xã Lý Nhơn	903,0	903,0	
12	Xây dựng hệ thống đê bao dọc sông Soài Rạp khu vực 400ha xã Lý Nhơn	4.611,0	4.611,0	
13	Xây dựng đường đê số 1 từ đường Lý Nhơn đến sông Soài Rạp khu vực 400ha xã Lý Nhơn	50,0	50,0	
14	Xây dựng đường đê số 2 từ đường Lý Nhơn đến sông Soài Rạp khu vực 400ha xã Lý Nhơn	50,0	50,0	
15	Xây dựng đường đê nối đê nhánh số 2 đến đê bao sông Vàm Sát khu vực 400ha xã Lý Nhơn	1.321,0	1.321,0	
16	Xây dựng đường đê số 3 từ đường Lý Nhơn đến sông Soài Rạp khu vực 400ha xã Lý Nhơn	185,0	185,0	
17	Xây dựng hệ thống đê bao dọc sông Gốc Tre nhỏ khu vực 250ha xã Lý Nhơn	4.000,0	4.000,0	
18	Nâng cấp đường đê từ sông Soài Rạp đến đường Lý Nhơn (tuyến số 1) khu vực 420ha xã An Thới Đông	2.500,0	2.500,0	
19	Xây dựng mới tuyến đê từ sông Soài Rạp đến đường Lý Nhơn (tuyến số 2) khu vực 420ha xã An Thới Đông	1.500,0	1.500,0	
20	Nâng cấp đường đê từ sông Soài Rạp đến đường Lý Nhơn (tuyến số 3) khu vực 420ha xã An Thới Đông	2.000,0	2.000,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
21	Xây dựng đê bao nội đồng kết hợp giao thông nông thôn kết nối khu vực ra đường An Thới Đông (đoạn 1) khu vực 308ha xã An Thới Đông	1.700,0	1.700,0	
22	Xây dựng đê bao nội đồng kết hợp giao thông nông thôn kết nối khu vực ra đường An Thới Đông (đoạn 2) khu vực 308ha xã An Thới Đông	5.000,0	5.000,0	
23	Xây dựng hệ thống thủy lợi kênh Ngay (nạo vét kênh, đắp đê) khu vực 308ha xã An Thới Đông	4.500,0	4.500,0	
24	Xây dựng hệ thống thủy lợi Hốc Quả lớn (nạo vét kênh, đắp đê) khu vực 308ha xã An Thới Đông	6.000,0	6.000,0	
25	Xây dựng hệ thống thủy lợi kênh Bàu Thờ (nạo vét kênh, đắp đê) khu vực 308ha xã An Thới Đông	4.000,0	4.000,0	
26	Xây dựng đường đê nội đồng khu vực 233ha ấp Rạch Lá (giai đoạn 1) xã An Thới Đông	3.800,0	3.800,0	
27	Xây dựng đường đê nội đồng khu vực 233ha ấp Rạch Lá (giai đoạn 2) xã An Thới Đông	4.400,0	4.400,0	
28	Xây dựng đường đê nội đồng ngang Rạch Đước (dọc Rạch Ráng) khu vực 246ha xã Bình Khánh	9.500,0	9.500,0	
29	Xây dựng tuyến đê bao nội đồng khu vực 246ha xã Tam Thôn Hiệp	1.800,0	1.800,0	
	Hệ thống thủy lợi phục vụ làm muối	18.450,0	18.450,0	
30	Nâng cấp đê bao đồng muối Thiềng Liềng xã Thạnh An	50,0	50,0	
31	Xây dựng đê, kênh nhánh phục vụ làm muối xã Thạnh An	3.700,0	3.700,0	
32	Xây dựng tuyến đê vận chuyển muối từ rạch Mương Thông đến đê Sam xã Lý Nhơn	10.000,0	10.000,0	
33	Xây dựng đường đê phục vụ vận chuyển muối (điểm đầu đê muối, điểm cuối rạch bến Bà Năm) xã Lý Nhơn	4.700,0	4.700,0	
	07 kè chống sạt lở giai đoạn 2020-2023 (khởi công mới năm 2021)	39.900,0	39.900,0	
34	Xây dựng kè kiên cố bảo vệ khu dân cư Bình Thạnh, xã Bình Khánh (Khu vực từ kè Bình Thạnh đến rạch Ông Duệ)	5.700,0	5.700,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
35	Xây dựng Kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp Bà Xán (khu vực từ rạch Tắc Cát đến cầu Tắc Tây Đen)	5.700,0	5.700,0	
36	Xây dựng Kè kiên cố bảo vệ khu dân cư Tổ 39 ấp Trần Hưng Đạo xã Tam Thôn Hiệp (khu vực từ cầu Tắc Tây Đen đến kè đá Tổ 39 ấp Trần Hưng Đạo)	5.700,0	5.700,0	
37	Xây dựng Kè kiên cố ven sông Lòng Tàu ấp Trần Hưng Đạo, xã Tam Thôn Hiệp (khu vực từ kè An Phước đoạn 2 đến nhà ông tư Châm)	5.700,0	5.700,0	
38	Xây dựng Kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông (khu vực từ kè An Hòa đến cống Mốc Keo)	5.700,0	5.700,0	
39	Xây dựng Kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp An Hòa (khu vực ngã ba sông Rạch Lá từ nhà ông Nguyễn Văn Năm đến nhà ông Phạm Văn Dũng)	5.700,0	5.700,0	
40	Xây dựng Kè kiên cố bảo vệ khu dân cư ấp Lý Hòa Hiệp (khu vực từ Bãi vật tư Duy Khánh đến cầu Vàm Sát 2), xã Lý Nhơn	5.700,0	5.700,0	
III	Đề án nông thôn mới 06 xã giai đoạn 2016-2020	190.962,0	190.962,0	
3.1	Xã An Thới Đông	12.585,0	12.585,0	
3.1.1	Ban QLXDNTM xã An Thới Đông	8.318,0	8.318,0	
3.1.1.1	Giao thông	2.405,0	2.405,0	
	<i>Đường trục xã, liên xã</i>	27,0	27,0	
1	Nâng cấp đường Quảng Xuyên (Đoạn từ Cầu đò Kinh Bà Tổng đến thánh thất Cao Đài)	27,0	27,0	
	<i>Đường trục ấp, liên ấp, trục tổ</i>	510,0	510,0	
2	Đường đê bao ấp Rạch Lá (Đoạn toàn bộ vòng đê bao Rạch Lá)	110,0	110,0	
3	Đường đê Mốc Keo An Nghĩa ấp An Nghĩa (Đoạn từ đường Rừng Sác đến đường Tam Thôn Hiệp)	200,0	200,0	
4	Đường đê bao Tắc Ráng ấp An Nghĩa (Đoạn từ đường Rừng Sác đến giáp tổ 27,28 ấp An Hòa)	200,0	200,0	
	<i>Đường hẻm, tổ</i>	1.696,0	1.696,0	
5	Đường tổ 7 ấp Rạch Lá (Đoạn từ nhà anh Tuấn đến nhà anh Năm Năng)	27,0	27,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
6	Đường tổ 1 ấp An Đông (Đoạn từ đường An Thới Đông đến ngã ba ra Nhà Bia Liệt Sĩ)	20,0	20,0	
7	Đường vào trạm cấp nước Bà Duyên ấp Doi Lầu (Đoạn từ đường Lý Nhơn đến nhà ông Ngô Thánh Sơn)	40,0	40,0	
8	Nâng cấp đường ra bến đò Doi Lầu (kính ông Sơn) (Đoạn từ đường ra bến đò Doi Lầu đến đường Liên Xã)	40,0	40,0	
9	Đầu đường gần nhà Mười Kiệm tổ 10 ấp An Đông (Đoạn từ đường cầu Tổ 10 đến nhà ông Bảy)	890,0	890,0	
10	Nâng cấp mở rộng đường tổ 9 ấp An Đông (Đoạn từ đường nhà ông Sáu Bé đến đường Liên Xã)	40,0	40,0	
11	Đường vào tổ 6, 7 ấp An Đông (Đoạn gần nhà Anh Cực và Mười Quý)	369,0	369,0	
12	Đường vào tổ 3 ấp An Đông (Đoạn từ đường An Thới Đông đến gần nhà ông Tám Em)	90,0	90,0	
13	Xây dựng cống thoát nước trong khu dân cư kết hợp tái lập mặt đường ấp An Hòa (Đoạn từ nhà bà Tư Dài + ngã tư ông Tờ đến cầu kinh bà Tổng)	60,0	60,0	
14	Xây dựng cống thoát nước trong khu dân cư kết hợp tái lập mặt đường tổ 1, 2 giáp ranh ấp An Hòa và ấp An Bình.	60,0	60,0	
15	Xây dựng cống thoát nước trong khu dân cư kết hợp tái lập mặt đường ấp An Bình	60,0	60,0	
	Cầu giao thông	172,0	172,0	
16	Nâng cấp cầu Kinh bà Tổng ấp An Hòa	60,0	60,0	
17	Nâng cấp cầu Bà Tùng (gần chợ), Tổ 23 ấp An Nghĩa	10,0	10,0	
18	Nâng cấp cầu gần chùa Cao Đài 1, đường Mốc Keo ấp An Nghĩa	30,0	30,0	
19	Nâng cấp cầu gần chùa Cao Đài 2, đường Mốc Keo ấp An Nghĩa	30,0	30,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
20	Xây mới cầu gần chùa Cao Đài 3, đường Mốc Keo ấp An Nghĩa	30,0	30,0	
21	Nâng cấp cầu tổ 19 (gần nhà a. Lợi), ấp An Hòa	3,0	3,0	
22	Nâng cấp cầu Bà Tùng (đường Quảng Xuyên, ấp An Hòa)	9,0	9,0	
3.1.1.2	Thủy lợi	5.713,0	5.713,0	
23	Sửa chữa 3 cống cấp nước khu vực tiểu vùng 100ha Doi Lầu	22,0	22,0	
24	Rạch tổ 9, tổ 10, khu dân cư An Bình (Đoạn từ nhà bà Hai Phụng đến nhà Bà Tuyền)	722,0	722,0	
25	Rạch tổ 12, tổ 13, khu dân cư An Bình (Đoạn từ nhà Bà Thời đến nhà ông Sáu Kha)	1.041,0	1.041,0	
26	Rạch tổ 14, khu dân cư An Hòa (Đoạn từ nhà ông Sáu Lợi đến Cầu Bà Tùng)	3.921,0	3.921,0	
27	Phát hoang cây hai bên rạch, nạo vét lớp bùn bề mặt rạch ấp An Bình (Đoạn từ nhà ông Sáu Hùng đến nhà bà Sáu Hà)	7,0	7,0	
3.1.1.3	Cơ sở vật chất văn hóa	130,0	130,0	
28	Sửa chữa Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp An Đông	20,0	20,0	
29	Xây dựng mới Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp An Hòa	70,0	70,0	
30	Sửa chữa Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp An Nghĩa	12,0	12,0	
31	Sửa chữa Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Rạch Lá	14,0	14,0	
32	Sửa chữa Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Doi Lầu	14,0	14,0	
3.1.1.4	Nhà ở dân cư và trụ sở UBND xã	35,0	35,0	
33	Xây dựng mới khối hội trường UBND xã An Thới Đông	35,0	35,0	
3.1.1.5	Y tế	35,0	35,0	
34	Sửa chữa Trạm Y tế xã An Thới Đông	35,0	35,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
3.1.2	Ban QLĐTXDCT huyện	4.267,0	4.267,0	
3.1.2.1	Giao thông	1.211,0	1.211,0	
	Đường hầm, tổ	170,0	170,0	
1	Đường Tổ 8, ấp Rạch Lá (đoạn từ nhà anh chín Vồn đến nhà anh Thanh)	170,0	170,0	
2	Đường vào tổ 3, 6, 7 ấp An Đông (Đoạn từ đường An Thới Đông đến đường Liên Xã)	-	-	
	Trục nội đồng	88,0	88,0	
3	Đường Dơi Bà Kiểng Rạch Lá (Đoạn từ nhà ông Năm Năng đến nhà ông Tư Tới)	88,0	88,0	
	Cầu giao thông	953,0	953,0	
4	Xây mới cầu tổ 10 ấp An Bình (gần nhà thầy Mười)	-	-	
5	Xây dựng cầu mới gần trạm cấp nước Bà Duyên ấp Dơi Lầu	220,0	220,0	
6	Xây mới cầu tổ 9 ấp An Đông	10,0	10,0	
7	Xây mới cầu Bà Năm (tổ 10, ấp Rạch Lá)	160,0	160,0	
8	Xây mới cầu Rạch Sâu (tổ 1, ấp Rạch Lá)	343,0	343,0	
9	Xây mới cầu gần trường tiểu học (Tổ 7, ấp Rạch Lá)	4,0	4,0	
10	Xây mới cầu Kinh ông Sơn 2 (ấp Dơi Lầu)	216,0	216,0	
3.2.1.2	Thủy lợi	3.056,0	3.056,0	
11	Kè chống sạt lở khu dân cư ấp An Đông ven sông An Nghĩa (Đoạn từ trường THCS An Thới Đông đến nhà bia ghi danh liệt sĩ)	3.056,0	3.056,0	
3.2	Xã Long Hòa	42.571,0	42.571,0	
3.2.1	Ban QLXDNTM xã Long Hòa	41.690,0	41.690,0	
3.2.1.1	GIAO THÔNG	34.206,0	34.206,0	
	Đường trục ấp, liên ấp, trục tổ	17.508,0	17.508,0	
1	Nâng cấp, mở rộng đường nhánh Hòn Ngọc Phương Nam - Dinh ông Phước (Điểm đầu đường Duyên Hải - Điểm cuối đường BTXM hiện hữu)	3.200,0	3.200,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
2	Nâng cấp mặt đường và xây dựng cống thoát nước Tổ 8,9, ấp Long Thạnh (điểm đầu đường Nguyễn Văn Mạnh - điểm cuối đường BTXM)	276,0	276,0	
3	Nâng cấp đường xuống bến đò Đồng Tranh (điểm đầu đường Duyên Hải - điểm cuối Cầu đò)	136,0	136,0	
4	Nâng cấp đường Nghĩa Trang - Bãi Rác (Điểm đầu đường Duyên Hải điểm cuối đê bao Sông Hà Thanh)	2.596,0	2.596,0	
5	Nâng cấp, mở rộng đường ra nhà ông 5 Tĩnh (Điểm đầu đường Duyên Hải - Điểm cuối đường BTXM hiện hữu)	1.158,0	1.158,0	
6	Nâng cấp, mở rộng đường Ra nhà ông Lâm Quốc Hùng (Điểm đầu đường Duyên Hải - điểm cuối đường BTXM hiện hữu)	993,0	993,0	
7	Nâng cấp đường Chà Là ra sông Hà Thanh (Điểm đầu đường Duyên Hải và điểm cuối đê bao Sông Hà Thanh)	397,0	397,0	
8	Nâng cấp đường nhà ông Ba Lê ra sông Hà Thanh (điểm đầu đường Duyên Hải, điểm cuối đê bao sông Hà Thanh)	275,0	275,0	
9	Nâng cấp đường Rạch Cóc (điểm đầu đường Duyên Hải, điểm cuối đường BTXM hiện hữu)	402,0	402,0	
10	Nâng cao trình tuyến đường BTXM tổ 1 ấp Hòa Hiệp (điểm đầu đường Thạnh Thới - điểm cuối đường BTXM)	216,0	216,0	
11	Nâng cao trình tuyến đường BTXM tổ 5 ấp Hòa Hiệp (điểm đầu đường Thạnh Thới - điểm cuối đường BTXM)	996,0	996,0	
12	Nâng cao trình tuyến đường BTXM tổ 7 ấp Long Thạnh (điểm đầu đường Nguyễn Văn Mạnh - điểm cuối đường BTXM)	752,0	752,0	
13	Nâng cao trình tuyến đường BTXM tổ 5 ấp Long Thạnh (điểm đầu Cầu Xà Lan - điểm cuối Vàm Long Thạnh)	1.356,0	1.356,0	
14	Nâng cao trình tuyến đường BTXM tổ 11 ấp Long Thạnh (điểm đầu đường Nguyễn Văn Mạnh - điểm cuối đường BTXM)	550,0	550,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
15	Nâng cao trình tuyến đường BTXM tổ 6 ấp Đồng Hòa (điểm đầu đường Duyên Hải - điểm cuối đường BTXM)	1.230,0	1.230,0	
16	Nâng cao trình tuyến đường BTXM tổ 8 ấp Đồng Hòa (điểm đầu đường Duyên Hải - điểm cuối Háng nước mắm)	999,0	999,0	
17	Nâng cao trình tuyến đường BTXM tổ 01 ấp Đồng Tranh (điểm đầu (chợ Đồng Hòa - điểm cuối đường BTXM)	1.083,0	1.083,0	
18	Nâng cao trình tuyến đường BTXM tổ 5 ấp Đồng Tranh (điểm đầu đường bến đò - điểm cuối đường BTXM)	893,0	893,0	
3.2.1.2	Cầu giao thông	2.789,0	2.789,0	
19	Nâng cấp, mở rộng bến đò Đồng Hòa	1.428,0	1.428,0	
20	Nâng cấp, mở rộng bến đò Đồng Tranh	1.011,0	1.011,0	
21	Mở rộng bến đò Hòa Hiệp	148,0	148,0	
22	Mở rộng bến đò Long Thạnh	202,0	202,0	
3.2.1.3	Đường hầm, tổ	13.909,0	13.909,0	
23	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống mương, rãnh thoát nước tổ 3 ấp Hòa Hiệp (điểm đầu đường Thạnh Thới - điểm cuối đường BTXM)	679,0	679,0	
24	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống mương, rãnh thoát nước tổ 9 ấp Hòa Hiệp (điểm đầu đường Hòa Hiệp - điểm cuối đường BTXM)	1.867,0	1.867,0	
25	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống mương, rãnh thoát nước tổ 4 ấp Long Thạnh (điểm đầu đường Nguyễn Văn Mạnh - điểm cuối đường BTXM)	2.871,0	2.871,0	
26	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống mương, rãnh thoát nước tổ 4 ấp Đồng Hòa (điểm đầu đường Duyên Hải - điểm cuối kè đá)	1.030,0	1.030,0	
27	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống mương, rãnh thoát nước tổ 9 ấp Đồng Hòa (điểm đầu đường Duyên Hải - điểm cuối đường BTXM)	1.064,0	1.064,0	
28	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống mương, rãnh thoát nước tổ 4 ấp Đồng Tranh (điểm đầu đường Duyên Hải - điểm cuối KDC Đồng Tranh)	1.741,0	1.741,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
29	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống mương, rãnh thoát nước tổ 8 ấp Đồng Tranh (điểm đầu đường bến đò - điểm cuối đường BTXM)	1.421,0	1.421,0	
30	Xây dựng cống thoát nước đường Tổ 2, 4, 5 ấp Đồng Hòa (điểm đầu đường Duyên Hải - điểm cuối Đình Đồng Hòa)	162,0	162,0	
31	Xây dựng cống thoát nước đường Tổ 7, ấp Hòa Hiệp (điểm đầu đường BTXM - điểm cuối rạch Cầu Nò)	275,0	275,0	
32	Xây dựng hệ thống thoát nước rạch tổ 8, ấp Hòa Hiệp (điểm đầu đường BTXM - điểm cuối Sông Hòa Hiệp)	281,0	281,0	
33	Xây dựng cống thoát nước rạch Tổ 12, ấp Long Thạnh (điểm đầu cống BTCT hiện hữu - điểm cuối rạch)	94,0	94,0	
34	Xây dựng cống thoát nước rạch khu vực tổ 9 Đồng Hòa (điểm đầu đường BTXM - điểm cuối rạch)	411,0	411,0	
35	Xây dựng cống đường Rạch cóc - Duyên Hải (điểm đầu đường BTXM - điểm cuối rạch)	2.013,0	2.013,0	
3.2.1.4	THỦY LỢI	1.849,0	1.849,0	
36	Nạo vét rạch thoát nước khu vực tổ 4, 5 ấp Đồng Hòa	79,0	79,0	
37	Nạo vét Rạch thoát nước khu vực tổ 5, 6, 8 ấp Đồng Tranh	94,0	94,0	
38	Nạo vét Rạch thoát nước khu vực tổ 11 ấp Đồng Tranh	183,0	183,0	
39	Nạo vét và xây dựng cống thoát nước Rạch khu vực tổ 9 ấp Đồng Tranh	891,0	891,0	
40	Nạo vét Rạch thoát nước khu vực tổ 1 ấp Đồng Tranh	148,0	148,0	
41	Nạo vét rạch thoát nước cạnh khu dân cư Chà Là	373,0	373,0	
42	Nạo vét các cửa xả của hệ thống cống thoát nước hiện hữu	81,0	81,0	
3.2.1.5	TRƯỜNG HỌC	2.832,0	2.832,0	
43	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, chuyển đổi công năng trường tiểu học Hòa Hiệp (cũ) thành trường Mầm non Hòa Hiệp	2.832,0	2.832,0	
3.2.1.6	CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA	2.803,0	2.803,0	
44	Xây dựng mới Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Long Thạnh	2.584,0	2.584,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
45	Nâng cấp, Sửa chữa Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Đồng Hòa	219,0	219,0	
3.2.2	Ban QLĐTXD CT huyện	881,0	881,0	
3.2.2.1	GIAO THÔNG	881,0	881,0	
	Đường trục xã, liên xã	769,0	769,0	
1	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Mạnh (Điểm đầu Đường Duyên hải - Điểm cuối đường Duyên Hải)	769,0	769,0	
3.2.2.2	Đường trục ấp, liên ấp, trục tổ	47,0	47,0	
1	Nâng cấp đường tổ 10,11 Khu dân cư ấp Hòa Hiệp (trong khu dân cư)	47,0	47,0	
3.2.2.3	Đường hẻm, tổ	65,0	65,0	
1	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống mương, rãnh thoát nước tổ 6 ấp Long Thạnh (điểm đầu đường BTXM - điểm cuối rạch)	65,0	65,0	
3.2.2.4	THỦY LỢI	-	-	
1	Nạo vét, nâng cấp kè luồng vàm Long Thạnh (đoạn từ cửa vàm đến cầu Xà Lan)	-	-	
3.3	Xã Tam Thôn Hiệp	4.474,0	4.474,0	
3.3.1	Ban QLXDNTM xã Tam Thôn Hiệp	2.504,0	2.504,0	
3.3.1.1	Giao thông	350,0	350,0	
	Đường trục ấp, liên ấp, trục tổ	238,0	238,0	
1	Lát gạch vỉa hè đường trước Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp (đoạn từ đường Tam Thôn Hiệp đến tổ 21 ấp an lộc)	126,0	126,0	
2	Lát gạch vỉa hè đường Nguyễn Công Bao (đoạn từ đầu đường tam thôn hiệp - cuối đường)	112,0	112,0	
	Cầu giao thông	112,0	112,0	
3	Nâng cấp cầu đò Tam Thôn Hiệp	112,0	112,0	
3.3.1.2	Thủy lợi	1.405,0	1.405,0	
4	Nạo vét kênh thủy lợi và cải tạo, sửa chữa đê H3 (đê N4)	185,0	185,0	
5	Nạo vét kênh thủy lợi và cải tạo, sửa chữa các đường đê T4, T3-4, H4 (đê N1, N2, N3)	206,0	206,0	
6	Nạo vét kênh thủy lợi và cải tạo, sửa chữa đê T5-4 (đê N5)	147,0	147,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
7	Nạo vét kênh thủy lợi và cải tạo, sửa chữa đê T3-5 (đê N6)	234,0	234,0	
8	Nâng cấp đường đê nội đồng Ấp Trần Hưng Đạo	180,0	180,0	
9	Nâng cấp, sửa chữa 5 cống ngăn triều đường Tam Thôn Hiệp	266,0	266,0	
10	Nâng cấp, sửa chữa cầu trên đường đê H4 (đê N3)	-	-	
11	Nâng cấp, sửa chữa cầu số 1 trên đường đê H3 (đê N4)	54,0	54,0	
12	Nâng cấp, sửa chữa cầu số 2 trên đường đê H3 (đê N4)	69,0	69,0	
13	Nâng cấp, sửa chữa cầu trên đường đê T3-5) đê N6	64,0	64,0	
3.3.1.3	Cơ sở vật chất văn hóa	123,0	123,0	
14	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa xã Tam Thôn Hiệp	123,0	123,0	
3.3.1.4	Nhà ở dân cư	626,0	626,0	
15	Sửa chữa và nâng cấp trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp	626,0	626,0	
3.3.2	Ban QLDTXD CT huyện	1.970,0	1.970,0	
3.3.2.1	Thủy lợi	470,0	470,0	
1	Nâng cấp, sửa chữa Kè phía sau Đình An Phước	-	-	
2	Xây mới kè tổ 11 An Hòa (đoạn 2)	470,0	470,0	
3.3.2.2	Y tế	1.500,0	1.500,0	
3	Xây mới Trạm Y tế xã	1.500,0	1.500,0	
3.4	Xã Thạnh An	12.346,0	12.346,0	
3.4.1	Ban QLXDNTM xã Thạnh An	11.340,0	11.340,0	
3.4.1.1	GIAO THÔNG	603,0	603,0	
	Đường trục xã, liên xã	97,0	97,0	
1	Nâng cấp, đường trục chính trung tâm xã (đoạn từ trạm biên phòng đến cuối đường khu dân cư mới)	97,0	97,0	
	Đường trục ấp, liên ấp, trục tổ	53,0	53,0	
2	Nâng cấp đường khu dân cư ấp Thiềng Liềng (đoạn từ đến đò ấp thiềng liềng đến đường đê bao đồng muối)	53,0	53,0	
	Đường hẻm, tổ	398,0	398,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
3	Nâng cấp đường khu dân cư tổ 12 đến tổ 28	111,0	111,0	
4	Nâng cấp đường khu dân cư tổ 32 đến tổ 36	57,0	57,0	
5	Nâng cấp cống thoát nước khu dân cư ấp Thạnh Bình tổ 30, 32	91,0	91,0	
6	Xây dựng hệ thống cống thoát nước	139,0	139,0	
	Cầu giao thông	55,0	55,0	
7	Nâng cấp cầu đá ngầm	55,0	55,0	
3.4.1.2	THỦY LỢI	10.282,0	10.282,0	
8	Xây dựng mới Kè đá bảo vệ khu dân cư mới ấp Thiềng Liềng	282,0	282,0	
9	Đầu tư xây dựng kè đá và khu neo đậu tàu, thuyền	10.000,0	10.000,0	
3.4.1.3	CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA	397,0	397,0	
10	Xây dựng Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Thạnh Hòa	110,0	110,0	
11	Xây dựng phòng Hội nghị (Hội trường) UBND xã	98,0	98,0	
12	Xây mới Hội trường văn hóa đa năng và trang thiết bị hội trường.	189,0	189,0	
3.4.1.4	Y TẾ	58,0	58,0	
13	Xây mới phòng y học cổ truyền, phòng xét nghiệm, phòng X quang, phòng tiệt trùng và trang thiết bị trạm Y tế	58,0	58,0	
3.4.2	Ban QLĐTXD CT huyện	1.006,0	1.006,0	
3.4.2.1	THỦY LỢI	1.006,0	1.006,0	
1	Xây dựng mới kè bê tông cốt thép bảo vệ đường đê bao đồng muối kết hợp đường dân sinh ấp Thiềng Liềng	1.006,0	1.006,0	
3.5	Xã Bình Khánh	47.402,0	47.402,0	
3.5.1	Ban QLXDNTM xã Bình Khánh	35.011,0	35.011,0	
3.5.1.1	Giao thông	22.844,0	22.844,0	
	Đường trục ấp, liên ấp	1.725,0	1.725,0	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Bà Xán B (Điểm đầu từ cầu Tắc Tây Đen - Điểm cuối khu dân cư Bà Xán).	1.725,0	1.725,0	
	Đường hẻm, tổ	19.329,0	19.329,0	
2	Đầu tư hệ thống thoát nước đường Xóm Miếu (Tổ 13, 14, 15, 16, 17, 18) ấp Bình Trung (Điểm đầu từ Tổ 13 - Điểm cuối đến Tổ 18 Miếu Bà)	926,0	926,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông và đầu tư hệ thống thoát nước đường Tổ 1, 2 ấp Bình Trung(Điểm đầu đường Trần Quang Đạo - Điểm cuối Rạch Lát).	606,0	606,0	
4	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện hữu tổ 6, 10, 11, 13, 14 ấp Bình Mỹ (Điểm đầu Trường Tiểu học Bình Mỹ - Điểm cuối Tắc Sông Chà).	1.524,0	1.524,0	
5	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông và đầu tư hệ thống thoát nước đường Tổ 8, 15 ấp Bình An(Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối nhà bà Nguyễn Thị Chương)	352,0	352,0	
6	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 1, 2, 3, 4 ấp Bình Thuận (Điểm đầu chợ Bình Khánh - Điểm cuối đường Rừng Sác).	720,0	720,0	
7	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 9 ấp Bình Thuận(Điểm đầu Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Điểm cuối đường Trần Quang Đạo).	566,0	566,0	
8	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 15 ấp Bình Thuận (Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối nhà ông Phạm Văn Ất).	938,0	938,0	
9	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 5, 6, 7, 8 ấp Bình Trường (Điểm đầu đường Trần Quang Đạo - Điểm cuối rạch Sông Chà).	1.035,0	1.035,0	
10	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 1, 2, 14, 15 ấp Bình Trường (Điểm đầu đường Trần Quang Đạo - Điểm cuối sông Nhà Bè).	870,0	870,0	
11	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 1, 2, 3, 4 ấp Bình Phước (Xóm Làng) (Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối giáp đường Xóm Gà).	210,0	210,0	
12	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện hữu Tổ 6, 7, 8, 9, 10, 13 ấp Bình Phước (Điểm đầu đường Trần Quang Đạo - Điểm cuối đường Xóm Gà).	704,0	704,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
13	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông và Xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện hữu Tổ 21 ấp Bình Phước (Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối nhà ông Phan Văn Phú).	468,0	468,0	
14	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện hữu Tổ 20 ấp Bình Phước (Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối nhà bà Dương Thị Ngọc Hoàng).	847,0	847,0	
15	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông và đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 24 ấp Bình Phước(Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối nhà ông Trần Văn Cây).	639,0	639,0	
16	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện hữu tổ 1, 4 ấp Bình Mỹ (Điểm đầu Trường Tiểu học Bình Mỹ - Điểm cuối Tắc Sông Chà).	1.049,0	1.049,0	
17	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Tổ 12 ấp Bình Thạnh (đường ấp 3) (Điểm đầu đường Hà Quang Vóc - Điểm cuối cầu bê tông đường ấp 3).	660,0	660,0	
18	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện hữu ấp Bình Thạnh (Điểm đầu đường EC - Điểm sông Soài Rạp).	1.504,0	1.504,0	
19	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Tổ 16 ấp Bình An (Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối nhà bà Trần Thị Hạnh).	850,0	850,0	
20	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Tổ 20 ấp Bình Trung (Điểm đầu cầu Hai Tiểu - Điểm cuối nhà ông Phạm Văn Tỳ - cầu Thủ Hy).	812,0	812,0	
21	Nâng cấp đường giao thông Tổ 13 ấp Bình An (Điểm đầu đất ông Lê Hiếu Nghĩa - Điểm cuối nhà ông Nguyễn Văn Trung).	757,0	757,0	
22	Nâng cấp, mở rộng đường Tổ 26 ấp Bình Trung(Điểm đầu nhà ông Châu Văn Tám - Điểm cuối nhà ông Phạm Văn Téo).	3.292,0	3.292,0	
	Đường trục nội đồng			
	Cầu nông thôn	1.790,0	1.790,0	
23	Xây mới cầu Năm Đàng	822,0	822,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
24	Xây mới cầu Cá Sứ	968,0	968,0	
3.5.1.2	Thủy lợi	5.998,0	5.998,0	
25	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch Tổ 7 ấp Bình Thuận (Điểm đầu Trần Quang Đạo - Điểm cuối rạch Nhà Máy).	757,0	757,0	
26	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch ông 10 Liệt ấp Bình Trường(Điểm đầu Trần Quang Đạo - Điểm cuối nhà bà Nguyễn Thị Cầu).	412,0	412,0	
27	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch Tổ 13 ấp Bình Phước(Điểm đầu Trần Quang Đạo - Điểm cuối nhà ông Châu Minh Sang).	430,0	430,0	
28	Nạo vét khai thông dòng chảy và xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch Ba Chắc ấp Bình Mỹ(Điểm đầu Trần Quang Đạo - Điểm cuối sông Nhà Bè).	751,0	751,0	
29	Nạo vét khai thông dòng chảy và xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch Hai Biên ấp Bình Trung(Điểm đầu nhà ông 7 Bình - Điểm cuối rạch Lấp Vòi).	356,0	356,0	
30	Nạo vét khai thông dòng chảy và xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch 5 Mỹ ấp Bình Trường(Điểm đầu nhà ông Phạm Văn Ba - Điểm cuối sông Nhà Bè).	594,0	594,0	
31	San lấp và xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch Ba Bé ấp Bình Trường(Điểm đầu nhà bà Huỳnh Thị Lân - Điểm cuối cầu bê tông Tổ 15 ấp Bình trường).	411,0	411,0	
32	San lấp và xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch sau nhà Ba Nà, Sáu Leo ấp Bình Trường(Điểm đầu nhà ông Lê Văn Bạc và nhà ông Lê Văn Thọ - Điểm cuối rạch Bờ Tiền).	725,0	725,0	
33	San lấp và xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch sau nhà ông 7 Bình ấp Bình Trung (Điểm đầu nhà ông 7 Bình - Điểm cuối rạch Thủ Hy).	582,0	582,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
34	San lấp và xây dựng hệ thống thoát nước khu vực rạch Tám Tình Tổ 15 ấp Bình Phước(Điểm đầu Trần Quang Đạo - Điểm cuối rạch Lấp Vòi).	258,0	258,0	
35	Nạo vét Rạch Lấp Vòi(Điểm đầu sông Nhà Bè - Điểm cuối đường Trần Quang Đạo).	498,0	498,0	
36	Nạo vét Rạch Nhà Máy Điểm đầu là sông Nhà Bè, điểm cuối đường Trần Quang Đạo	224,0	224,0	
3.5.1.3	Cơ sở vật chất văn hóa	4.307,0	4.307,0	
37	Xây dựng mới Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Thuận	381,0	381,0	
38	Xây dựng mới Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Trường	2.600,0	2.600,0	
39	Nâng cấp, sửa chữa Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Mỹ	867,0	867,0	
40	Sửa chữa, nâng cấp Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình An	431,0	431,0	
41	Nâng cấp, sửa chữa Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp Bình Trung	28,0	28,0	
3.5.1.4	Nhà ở dân cư và trụ sở UBND xã	1.862,0	1.862,0	
42	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND xã Bình Khánh	1.862,0	1.862,0	
3.5.2	Ban QLDTXD CT huyện	12.391,0	12.391,0	
3.5.2.1	Giao thông	12.391,0	12.391,0	
	<i>Đường trục xã, liên xã</i>			
	<i>Đường trục ấp, liên ấp</i>	860,0	860,0	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Tổ 18 ấp Bình An nối Tổ 18 ấp Bình Trường(Điểm đầu KDC Cọ Dầu - Điểm cuối đường EC và Kênh Xáng).	508,0	508,0	
2	Nâng cấp láng nhựa đường EC (Điểm đầu cầu Kho Đồng - Điểm cuối Trường Tiểu học Cây Cui).	352,0	352,0	
	Đường hẻm, tổ	4.913,0	4.913,0	
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông và đầu tư hệ thống thoát nước Tổ 1, 17 ấp Bình An (Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối nhà ông Huỳnh Văn Bên).	1.322,0	1.322,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
4	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông và đầu tư hệ thống thoát nước Tổ 4, 5, 6, ấp Bình An (Điểm đầu đường Rừng Sác vào các nhánh rẽ - Điểm cuối đường Rừng Sác).	1.502,0	1.502,0	
5	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 3, 4, 9, 10, 11, 12, 13 ấp Bình Trường (Điểm đầu đường Trần Quang Đạo - Điểm cuối sông Nhà Bè).	258,0	258,0	
6	Đầu tư hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 14 ấp Bình Thuận (Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối cống Trường Mầm non Bình Khánh).	42,0	42,0	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Cá Súc ấp Bình Trung (Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối nhà ông Trần Văn Bi).	1.064,0	1.064,0	
8	Nâng cấp, mở rộng đường Kinh Ông Cả ấp Bình Trung (Điểm đầu đường Rừng Sác - Điểm cuối nhà ông Châu Văn Đức).	725,0	725,0	
	Đường trục nội đồng			
	Cầu nông thôn	6.618,0	6.618,0	
9	Xây dựng mới cầu Tư Cây	2.982,0	2.982,0	
10	Xây dựng mới cầu Hai Tứ	1.365,0	1.365,0	
11	Xây dựng mới cầu Rạch Đước	1.757,0	1.757,0	
12	Xây dựng mới cầu rạch Sở Mía	514,0	514,0	
3.6	Xã Lý Nhơn	30.925,0	30.925,0	
3.6.1	Ban QLXDNTM xã Lý Nhơn	16.925,0	16.925,0	
3.6.1.1	GIAO THÔNG	5.180,0	5.180,0	
	Đường trục ấp, liên ấp, trục tổ	-	-	
1	Tuyến đường số 1 (điểm đầu Trường THCS Lý Nhơn - điểm cuối gần nhà bà Chấn)	-	-	
2	Tuyến số 2 (điểm đầu nhà ông 7 Nghị - điểm cuối gần nhà Út Linh)	-	-	
3	Tuyến số 3 (điểm đầu nhà ông Ân - điểm cuối gần nhà bà Gái)	-	-	
4	Tuyến đường số 1 (điểm đầu nhà ông Hồng Hà - điểm cuối gần nhà ông Gọn)	-	-	
5	Tuyến đường số 2 (điểm đầu nhà ông Tư Đột - điểm cuối gần nhà ông Biệp)	-	-	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
6	Tuyến đường số 1 (điểm đầu Tác Miếu - điểm cuối gần nhà ông Tám Mực)	-	-	
7	Tuyến đường số 2 (điểm đầu nhà ông Biều - điểm cuối gần nhà ông Bền)	-	-	
8	Đường khu nhà ông Tám Quang đến cuối đường ấp Lý Thái Bửu	-	-	
3.6.1.2	Đường nội đồng	5.180,0	5.180,0	
9	Đường Ông Tiên nối dài + Cầu chui	2.490,0	2.490,0	
10	Đường Trảng Mỹ nối dài	-	-	
11	Đường Góc Tre nối dài + Cầu chui	2.690,0	2.690,0	
3.6.1.3	Cầu giao thông	-	-	
12	Cầu đò Lý Nhơn	-	-	
13	Cầu giao thông đê Góc Tre (Vàm Sát)	-	-	
3.6.1.4	THỦY LỢI	10.245,0	10.245,0	
14	Kênh dọc đường Dương Văn Hạnh, khu vực Đồng Tròn	-	-	
15	Kênh dọc đường Lý Nhơn	-	-	
16	Kênh dọc đường Lý Nhơn, khu vực ấp Lý Thái Bửu	-	-	
17	Kênh dọc đường từ Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	-	
18	Kênh dọc đường Bà Lan	-	-	
19	Kênh dọc đường Ông An	-	-	
20	Kênh dọc đường Ông Bình	-	-	
21	Đường đê nhánh từ đường Lý Nhơn đến đê bao sông Góc Tre nhỏ	800,0	800,0	
22	Cống thủy lợi qua đường Lý Nhơn (cống số 1) + kênh dẫn	2.445,0	2.445,0	
23	Cống thủy lợi qua đường Lý Nhơn (cống số 2) + kênh dẫn	-	-	
24	Tuyến đường đê Góc Tre (Vàm Sát) + nhánh	7.000,0	7.000,0	
3.6.1.5	TRƯỜNG HỌC	-	-	
25	Trường Mầm Non cơ sở Vàm Sát	-	-	
26	Trường Tiểu học Lý Nhơn	-	-	
3.6.1.6	CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA	-	-	
27	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp - lý hòa hiệp	-	-	
28	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp - tân điền	-	-	
29	Văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp - Lý thái bửu	-	-	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
3.6.1.7	NHÀ Ở DÂN CƯ	1.500,0	1.500,0	
30	Trụ sở làm việc UBND xã Lý Nhơn	1.500,0	1.500,0	
3.6.2	Ban QLĐTXD CT huyện	14.000,0	14.000,0	
3.6.2.1	THỦY LỢI	14.000,0	14.000,0	
1	Khu vực Đồng Tròn	-	-	
2	Kênh dọc Đường Ông Tín	-	-	
3	Kênh dọc Đường Dương Văn Hạnh	-	-	
4	Kênh dọc Đính thờ Dương Văn Hạnh	-	-	
5	Kênh dọc đường Ông Ánh	-	-	
6	Kênh dọc theo đường Dương Văn Hạnh đoạn 2	-	-	
7	Kênh dọc đường Ông Mỹ	-	-	
8	Kênh dọc đường Ông Trung	-	-	
9	Kênh dọc đường Ông Đột	-	-	
10	Kênh dọc đường Ông Hòa	-	-	
11	Tuyến đường đê vận chuyển muối từ rạch Mương Thông - Bức Mũ - Đuôi Chồn	14.000,0	14.000,0	
3.7	Danh mục công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn TT Cần Thạnh	2.313,0	2.313,0	
3.7.1	UBND thị trấn Cần Thạnh	1.061,0	1.061,0	
3.7.1.1	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	528,0	528,0	
1	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường phía sau Bến xe Cần Giờ	47,0	47,0	
2	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường 3 tuyến Hẻm Tổ 1, khu phố Miếu Ba	47,0	47,0	
3	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường tại 3 tuyến Hẻm Tổ 6, khu phố Miếu Ba	35,0	35,0	
4	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường hẻm ông 5 Thời (Từ đường Duyên Hải đến Biển Đông)	3,0	3,0	
5	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường bên hông Đình Cần Thạnh (từ đường Lê Thương đến đường Duyên Hải).	28,0	28,0	
6	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường bê tông (Đối diện Nhà hàng tiệc cưới Đăng Khải)	49,0	49,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
7	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường (Đoạn từ nhà Bà Xuyên đến ngã 3 nhà ông 5 Bon)	156,0	156,0	
8	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường (phía sau trường mầm non Bình Minh)	19,0	19,0	
9	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường nội vi khu dân cư Thanh Tâm	109,0	109,0	
10	Nâng cấp đường vào Trạm bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Từ đường Tắc Xuất đến cuối đường bê tông nội bộ Trạm)	31,0	31,0	
11	Xây dựng hệ thống cống thoát nước và sửa chữa mặt đường hẻm nhà Chú 5 Mại (Từ đường Duyên Hải đến Biển Đông)	4,0	4,0	
3.7.1.2	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA:	281,0	281,0	
12	Sửa chữa Nhà văn hóa kết hợp trụ sở Ban điều hành khu phố Phong Thạnh	37,0	37,0	
13	Xây dựng mới trụ sở Ban điều hành khu phố Giồng Ao.	205,0	205,0	
14	Sửa chữa Nhà văn hóa kết hợp trụ sở Ban điều hành khu phố Miếu Ba	39,0	39,0	
3.7.1.3	CÔNG TRÌNH THỦY LỢI:	252,0	252,0	
15	Nạo vét Rạch Hư Trí.	252,0	252,0	
3.7.1.4	CÔNG TRÌNH Y TẾ:	-	-	
16	Xây dựng mới Trạm y tế Cần Thạnh và trang cấp thiết bị	-	-	
3.7.2	Ban QLĐTXD CT Huyện	1.252,0	1.252,0	
3.7.2.1	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	1.176,0	1.176,0	
1	Xây dựng nâng cấp đường Bến Dinh Bà Tổ 5, KP Giồng Ao (Từ đường Giồng Cháy đến đường Phan Trọng Tuệ)	464,0	464,0	
2	Xây dựng nâng cấp đường Tắc Xuất (Đoạn từ Bưu Điện đến Bến Tắc Xuất)	176,0	176,0	
3	Xây dựng nâng cấp đường Bùi Lâm	186,0	186,0	
4	Xây dựng hệ thống cống thoát nước đường Duyên Hải (Từ Trung tâm BDCT cũ đến Quảng trường Rừng Sác)	238,0	238,0	
5	Xây dựng mới Cầu Cảng (3 cầu chữ T)	112,0	112,0	
3.7.2.2	CÔNG TRÌNH THỦY LỢI:	76,0	76,0	
5	Nạo vét, xây kè rạch Á Lụa	76,0	76,0	
3.8	Đề án Huyện nông thôn mới	38.346,0	38.346,0	
3.8.1	Ban QLĐTXD CT huyện	38.346,0	38.346,0	
3.8.1.1	GIAO THÔNG	13.346,0	13.346,0	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch nhà nước giao năm 2021	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
	<i>Đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã</i>	2.000,0	2.000,0	
1	Nâng cấp đường đê Soài Rạp - Dương Văn Hạnh	2.000,0	2.000,0	
	<i>Đường đến vùng sản xuất của huyện</i>	6.346,0	6.346,0	
2	Nâng cấp đường vào khu sản xuất muối Lý Nhơn	800,0	800,0	
3	Xây dựng mới tuyến đường Hà Quang Vóc nối dài ra sông Lòng Tàu	5.546,0	5.546,0	
	<i>Công trình cầu, cống</i>	5.000,0	5.000,0	
4	Xây mới cầu Bà Đưa	5.000,0	5.000,0	
3.8.1.2	Thủy lợi	18.000,0	18.000,0	
5	Nâng cấp hệ thống thủy lợi khu vực Rạch Lở	6.000,0	6.000,0	
6	Nâng cấp hệ thống thủy lợi khu vực Mốc Keo			
7	Nâng cấp hệ thống thủy lợi khu vực Dơi Lầu	12.000,0	12.000,0	
3.8.1.3	Điện			
3.8.1.4	Y tế - văn hóa - giáo dục	7.000,0	7.000,0	
	Y tế			
	Văn hóa	7.000,0	7.000,0	
8	Nâng cấp Trung tâm văn hóa huyện Cần Giờ	7.000,0	7.000,0	
	Giáo dục			